TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS – ST
Ngày: 27 – 3 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Nhung và ông Phạm Xuân Thành.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2026/HSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 tại Khánh Hòa.

Nơi cư trú: thôn L, xã X, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết). Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 20/9/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Ngày 26/4/2024 chấp hành xong hình phạt. Ngày 03/01/2024 chấp hành xong án phí.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Ngọc G – sinh năm 1963 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn A - xã X - tỉnh Khánh Hòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân P – sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ dân phố D - phường P - tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 23/10/2025, Nguyễn Văn L (Sinh năm 1973, trú tại thôn L, xã X, tỉnh Khánh Hòa) đi gieo ruộng thuê cho một người dân ở A, xã X, tỉnh Khánh Hòa. Làm đến trưa thì L nghỉ trưa gần UBND xã X. Đến hơn 13 giờ cùng ngày, L điều

khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đen, BKS 49P1-7199 đến quán cà phê của bà Nguyễn Thị Ngọc G (sinh năm: 1963, trú thôn A, xã X, tỉnh Khánh Hòa) tại thôn A, xã X để mua cà phê, do trước đây L đã uống 02 lần ở đó. Khi đến quán cà phê, L dựng xe trước quán rồi đi bộ vào trong mua cà phê. Khi vào bên trong L thấy bà G đang nằm ngủ trên giường, L lại gần thì thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A15, màu xanh để trên bàn ngay đầu giường nằm nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, L lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái rồi đi ra ngoài lên xe về nhà ở thôn L, xã X, tỉnh Khánh Hòa. Đến khoảng 9 giờ ngày 24/10/2025 L điều khiển xe mô tô BKS 49P1-7199 đến cửa hàng điện thoại Đ1 mobile của anh Nguyễn Xuân P tại Tổ dân phố D, phường P, tỉnh Khánh Hòa bán với số tiền 1.500.000đ, sau đó L dùng tiền bán điện thoại tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã làm việc với anh Nguyễn Xuân P và thu hồi được chiếc điện thoại S Galaxy A15 màu xanh, số Seri RF8C11155XV mà Nguyễn Văn L đã bán vào ngày 24/10/2025. Lúc mua, anh Nguyễn Xuân P không biết chiếc điện thoại này do L trộm cắp mà có vì điện thoại không có khoá màn hình và L nói với anh P đây là điện thoại của L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã X, tỉnh Khánh Hòa kết luận: *"Giá trị của 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh, dung lượng 128GB tại thời điểm bị mất trộm ngày 23/10/2025 tại thôn A, xã X, tỉnh Khánh Hòa là **2.380.000 đồng**"*.

Đối với anh Nguyễn Xuân P: khi mua lại chiếc điện thoại do Nguyễn Văn L lấy trộm anh P không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Xuân P về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Anh Nguyễn Xuân P có yêu cầu L phải trả lại số tiền bán chiếc điện thoại là 1.500.000 đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 49P1-7199 loại Sirius màu đen, số khung RLCS5C6408Y065523, số máy 5C64-065523 là phương tiện Nguyễn Văn L sử dụng để trộm cắp tài sản qua xác minh chưa xác định được chủ sở hữu. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ nguồn gốc của xe và xử lý sau.

*** Vật chứng của vụ án:**

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A15 màu xanh là tài sản bị mất cho bà Nguyễn Thị Ngọc G.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, điện thoại không có hư hỏng, thiệt hại gì nên không có yêu cầu gì về dân sự.
- Bị can đã trả lại số tiền bán điện thoại là 1.500.000đ cho anh Nguyễn Xuân P nên anh P cũng không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*****Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

***** Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số:

28/CT-VKSKV6 ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn L.
Xử phạt bị cáo L từ 09 đến 12 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.
- Về dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc G không có yêu cầu gì khác về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
Bị cáo đã trả lại số tiền bán điện thoại là 1.500.000 đồng cho anh Nguyễn Xuân P nên anh P cũng không có yêu cầu gì về phần dân sự.
Bị cáo không tranh luận gì thêm.
Bị cáo nói lời sau cùng: *Bị cáo nhận biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:
[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.
[1.1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:
Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân P có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không ảnh hưởng đến việc xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.
[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu, chứng cứ được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào trưa ngày 23/10/2025, tại nhà bà Nguyễn Thị Ngọc G ở A, X, Khánh Hòa, lợi dụng lúc bà G đang ngủ trưa, Nguyễn Văn L đã lấy trộm một điện thoại hiệu Samsung Galaxy A15, màu xanh ở trên bàn bên cạnh giường của bà G giá trị **2.380.000 đồng**. Vì vậy, cáo trạng số 28/CT – VKSKV6 ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hòa truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.
[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất lười lao động, muốn hưởng thụ mà không phải bỏ công sức, bị cáo vẫn bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, thiết nghĩ cần có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, như thế mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 20/9/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi được; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc xem xét cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc G đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì khác về mặt dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân P cũng không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 15 màu xanh là tài sản bị mất cho bà Nguyễn Thị Ngọc G, là đúng quy định.

Đối với Nguyễn Xuân P mua lại điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có; tuy nhiên, P không biết đây là tài sản phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Xuân P về hành vi *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* là có căn cứ, đúng quy định.

[8]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận, về hình phạt đối với bị cáo chưa phù hợp, cần xử phạt thấp hơn đề nghị mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2026). Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Khánh Hòa;
- Công an xã Xuân Hải;
- THAHSDS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: hồ sơ, án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Long